TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2017/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 8 - 2017
V/v tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.
2. Bà Trần Thị Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam *tham gia phiên tòa:* Bà Nghiêm Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐXX-ST ngày 09 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bạch Thị Như Q, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Đội 2, thôn Đ, thị trấn ĐV, huyện DT, tỉnh HN.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quang M, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Xóm 10, thôn P, xã ĐH, huyện KB, tỉnh HN - Hiện là phạm nhân Trại giam Nam Hà, Tổng cục VIII, Bộ Công an (đóng tại xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam), anh Minh đang đi lao động cải tạo tại Khu sản xuất số 1, Trại giam Nam Hà, Tổng cục VIII, Bộ Công an (đóng tại xã Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1956.
- Bà Đinh Thị V, sinh năm 1958.
Cùng địa chỉ: Xóm M, thôn P, xã ĐH, huyện huyện KB, tỉnh HN.
Phiên tòa có mặt chị Q; vắng mặt anh M, ông Th và bà V có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 02 tháng 5 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Bạch Thị Như Q trình bày: Chị và anh Nguyễn Quang M lấy nhau trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng

Hóa, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam ngày 04 tháng 12 năm 2009. Sau ngày cưới, vợ chồng cùng nhau chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh M ở xóm M, thôn thôn P, xã ĐH, huyện huyện KB, tỉnh HN được khoảng ba năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M chơi bời, không tu trí làm ăn, chị có khuyên nhủ nhưng anh M không nghe mà còn chửi bới, đánh đập chị rất nhiều lần, song chị vẫn cố chịu đựng để nuôi dạy con chung, song càng chịu đựng thì anh M lại càng xúc phạm, đánh đập chị nhiều hơn, nên khoảng cuối năm 2014, chị đã phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại đội 2, thôn Đ, thị trấn ĐV, huyện DT, tỉnh HN để ở nhờ, từ đó đến nay vợ chồng chị sống ly thân, hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống cũng như tình cảm của nhau. Trong thời gian chị ở nhờ nhà bố mẹ đẻ, thì khoảng tháng 12/2015 anh M đã phạm tội Cố ý gây thương tích và ngày 13/6/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng xử phạt 30 tháng tù. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Quang M.

Tại bản tự khai đề ngày 18 tháng 7 năm 2017, bị đơn là anh Nguyễn Quang M xác nhận và trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc cũng như nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị Q đã trình bày. Nay chị Q có đơn xin ly hôn anh, anh hoàn toàn đồng ý, vì anh xác định tình cảm giữa vợ chồng anh đến nay đã thực sự không còn, hai bên không còn quan tâm đến nhau từ lâu, mâu thuẫn rất trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên anh đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn.

Về con cái: Chị Bạch Thị Như Q và anh Nguyễn Quang M thống nhất xác nhận, vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 01/8/2010; hiện cháu đang ở với ông bà nội cháu là ông Nguyễn Văn Th và bà Đinh Thị V. Khi ly hôn chị Q xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, trưởng thành lao động tự lập được, không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con. Anh M hoàn toàn đồng ý đối với yêu cầu của chị Q.

Về tài sản: Chị Q và anh M thống nhất xác nhận, cho đến nay vợ chồng không có tài sản chung, riêng gì. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án phải xem xét, giải quyết.

Về công nợ, công sức đóng góp, đất ruộng cấy nông nghiệp: Cả hai cùng thống nhất xác nhận, vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng; vợ chồng không đóng góp được công sức, tài sản gì đối với khối tài sản chung của hai bên gia đình, vợ chồng không được địa phương giao chung đất ruộng cấy. Do vậy khi ly hôn, cả hai không yêu cầu Tòa án phải xem xét, giải quyết.

Tại các bản tự khai đề ngày 25/7/2017, ông Nguyễn Văn Th và bà Đinh Thị V cùng thống nhất xác nhận, từ khi anh M bị bắt cho đến nay, cháu H ở với ông bà, song chị Q vẫn thường xuyên đến thăm nom, chăm sóc, đóng góp tiền ăn học cho cháu. Tuy nhiên khi vợ chồng chị Q, anh M ly hôn, ông bà có nguyện vọng muốn được thay anh M chăm sóc cháu H trong lúc anh M thụ án, nhưng nếu không được, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Riêng việc chi phí nuôi dưỡng cháu H trong thời gian anh M đi tù, ông Th, bà V

xác định đây là lương tâm, trách nhiệm của ông bà đối với cháu H, nên ông Th, bà V không yêu cầu gì về phần chi phí, công sức mà ông bà đã bỏ ra để nuôi dưỡng cháu H.

Tại phiên tòa, chị Bạch Thị Như Q giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên và không thay đổi, bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đề nghị của chị Q, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bạch Thị Như Q và anh Nguyễn Quang M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Quang M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Th và bà Đinh Thị V đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ. Tại phiên tòa không ai đề nghị hoãn phiên tòa, nên đây thuộc trường hợp bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm đề nghị giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bạch Thị như Q và anh Nguyễn Quang M lấy nhau trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Hóa, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam ngày 04 tháng 12 năm 2009. Phải khẳng định đây là cuộc hôn nhân tự do, tiến bộ, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi kết hôn vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được khoảng ba năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh M không chịu tu trí làm ăn mà chơi bời lêu lổng, khi chị Q góp ý, anh M không những không nghe mà còn chửi mắng, đánh đập vợ con khiến chị Q phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở nhờ từ cuối năm 2014. Từ khi vợ chồng sống ly thân, anh M lại chơi bời nhiều hơn, dẫn tới con đường phạm tội. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Q, anh M đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ lâu, hai bên không còn quan tâm gì đến cuộc sống cũng như tình cảm của nhau, nay chị Q có đơn xin ly hôn và được anh M đồng ý, nên thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q và anh M, xử công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con cái: Anh chị có một con chung, khi ly hôn chị Q và anh M đều nhất trí giao cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 01/8/2010 cho chị Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật

cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, trưởng thành lao động tự lập được, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là thỏa thuận có sự tự nguyện của hai bên đương sự, nên cần xem xét chấp nhận. Việc ông Th, bà V đề nghị được trông nom, chăm sóc cháu H thay anh M trong thời gian anh M thụ án, nhưng bản thân anh M là bố đẻ của cháu H đã nhất trí giao cháu H cho chị Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do đó đề nghị của ông Th, bà V không được chấp nhận.

[3] Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, đất ruộng cấy nông nghiệp: Cả hai cùng thống nhất xác nhận, cho đến nay vợ chồng không có tài sản chung, riêng gì; vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng; vợ chồng không đóng góp được công sức, tài sản gì đối với khối tài sản chung của hai bên gia đình; không được địa phương giao chung đất ruộng cấy nông nghiệp, nay các đương sự không có yêu cầu gì, nên không đặt ra giải quyết.

[4] Đối với chi phí, công sức ông Th, bà V bỏ ra chăm sóc cháu H từ khi anh M bị bắt cho đến nay, nhưng ông Th, bà V không yêu cầu chị Q, anh M phải thanh toán cho ông bà, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Q và anh M thuận tình ly hôn, đáng lẽ mỗi bên phải chịu 50% án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng do chị Q xin chịu toàn bộ án phí (xin chịu thay cho cả phần án phí của anh M), nên cần chấp nhận sự tự nguyện này, giao chị Q chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Ngoài ra còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐINH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1.1 Điều 1 mục II phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bạch Thị Như Q và anh Nguyễn Quang M.

2. Về con chung: Chị Q được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 01/8/2010, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được. Anh Minh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Q.

3. Về án phí: Chị Bạch Thị Như Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đ chị Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001175 ngày 16/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, chị Q đã nộp đủ tiền án phí. Anh M không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh M, ông Th và bà V vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án sơ thẩm được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam (để b/c);
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- UBND xã Đồng Hóa;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Trần Quang Minh